

QUẢNG HOÀNG MINH TẬP

QUYỂN 30

THIÊN THỨ MƯỜI: THỐNG QUY

- Đời Đại Đường, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên soạn
- Đời Tấn, Sa-môn Chi Đạo làm thơ khen Phật (8 bài).
- Đời Tấn, Sa-môn Chi Đôn vịnh hoài đại đức Thiên sư làm thơ nói về Sơn cư.
- Đời Tấn, Sa-môn Thích Tuệ Viễn, soạn lời tựa thơ niệm Phật Tam-muội.
- Thơ niệm Phật Tam-muội của Tấn Vương Tề.
- Ca từ Pháp lạc của Vương Nguyên Trường, đời Tề.
- Lương Võ Đế thuật thơ Tam giáo
- Lương Chiêu Minh, ở chùa Khai Thiện làm thơ Pháp Hội.
- Lương Giản Văn ở chùa Đồng Thái, làm thơ về Phù Đồ.
- Văn năm ấm thức của Giản Văn vịnh.
- Thơ Bách Luận xả tội phước của Lưu Hiếu Xước, đời Lương.
- Thơ Mông Hoa lâm viên giới của Giản Văn đời Lương.
- Thơ Giản ngật phú ba mươi vận của Chiêu Minh đời Lương.
- Thơ Dự sám trực số của Giản Văn, đời Lương.
- Đời nhà Lương, Giản Văn ở chùa Hưng Nghiệp giảng thơ.
- Tập thơ Hòa ngũ minh của Nguyên Đế, đời Lương.
- Đời Lương, Chiếu Minh ở Chung Sơn giảng giải thơ các nhân hòa.
- Đời Lương, Hoàng Thái tử làm thơ Bát quan dạ thuật du tứ thành môn.
- Đời Lương, Giản Văn làm thơ dạo chơi chùa Quang Trạch.
- Thơ Bị u thuật chí của Giản Văn đời Lương.
- Đời Lương, Thẩm Ẩn Hầu làm chung dâng biểu.
- Thơ lâm chung của Tạ Linh Vận đời Tống.
- Thơ lâm chung của Sa-môn Thích Trí Khải, đời Trần.

- Thơ Đạo núi và Tập thơ của Hà Xử Sĩ, đời Trần.
- Trần Diêu Sát đến chùa Minh Khánh, Trưởng nhiên hoài cổ.
- Thơ Đạo núi Nhiếp sơn của Thượng thư Linh Giang đời Tần.
- Thơ làm ở chùa Đại từ chiếu khi Lô Tư Đạo đời Bắc Tề theo hầu vua.
- Tập thơ của Trương Quân Tổ, đời Trần (3 bài).
- Thơ Năm thứ Khổ của Sa-môn Thích Vong Danh.
- Thơ đến chùa Linh Nghiễm ở Phương Sơn của Dương Đế đời Tùy.
- Thơ lên lầu ngắm đèn xuân của Dương Đế, đời Tùy.
- Đời Tùy, Vương Vị thuật thơ Tịnh Danh.
- Thơ vào chùa Phụng Lâm của Tiết Đạo Hoàn, đời Tùy.
- Thơ đến Tinh Châu, chùa Đại Hưng Quốc của Văn Đế, đời Đường.
- Thơ đến chùa Đại Từ Ân ở Kinh đô.
- Đời Đường, Pháp sư Tuyên ở Thường Châu vịnh Cao Tăng.
- Đời Đường, Pháp sư Tuyên đến Đông Sơn, Tìm hai Pháp sư Thù và Đàm.

THƠ KHEN PHẬT NGÀY MÔNG 08 THÁNG 04

Đời Đông Tấn, ở núi Ốc Châu, Sa-môn Chi Đạo Lâm

*Ba xuân điệt gọi tạ
 Dầu hạ ngậm ngọc sáng
 An lành ngày thái bình
 Mênh mông huyền vắng lặng
 Bỏ-tát thái linh hòa
 Mênh mông nhân hóa sinh
 Tứ vương ứng mà đến
 Kiểu chưởng thừa vương hình
 Phi thiên cổ nhục la
 Đẳng trạc rải chi anh
 Duyên lãn đôi Long thủ
 Phiêu nhị ế trôi chấy
 Hoa sen dục thân ba
 Nghiêng cành hiến triều vinh
 Phương tân vụ bốn cảnh
 Cam lộ nhuận bình ngọc
 Trân tường doanh bốn tám*

Huyền huyền diệu tử hình
 Cảm long chẳng tình tưởng
 Sợ hãi không chỗ làm
 Huyền căn dân linh phủ
 Thần điều tú hình danh
 Viên quang lãng sáng đông
 Dáng vàng điểm xuân tinh
 Hàm hòa gồm tám âm
 Thổ nạp mùi thơm bay
 Tích theo nhân sóng chất
 Tâm và thái hư minh
 Sáu độ khải cùng tục
 Tám giải trạc thế anh
 Tuệ trạch dung không ngoài
 Không đồng vọng hóa tình

THƠ VỊNH NGÀY MÔNG TÁM (3 bài)

Đại khối huy khu tối
 Sáng rực rỡ hai nghi
 Muôn loài sinh hoa đẹp
 Lóng trong ngưng huyền Thánh
 Thích-ca nương linh hội
 Viên thần đẹp cơ chánh
 Giao dưỡng giữ diễm lành
 Linh tri lưu tánh mạng
 Động vi vụ hạ thi
 Tịch vi vô trung cảnh
 Chân nhân gieo thần hóa
 Chảy, động vì có nhân
 Rộng khen áp Đâu-thuật
 Phiêu cảnh bến Diêm-phù
 Dừng xe ba xuân tàn
 Ngựa bay Chu minh tuần
 Tám phía vạch mây dày
 Chín tầng trời rải hoa
 Thần linh ca muôn khúc
 Bàn giá tấu linh luân
 Thuần trắng ngưng mưa thần

Lan tuyền đổi sắc thân
 Đầu bộ ba tài thái
 Dương thanh năm đạo dứt
 Chẳng trái nên là quý
 Vong kỳ nên kỳ thân
 Xa ư, xa cổ tư
 Tưởng thác do sự sinh
 Tượng và đồ linh khí
 Tượng ư, tượng hình kia
 Xiêm vàng, màn chất lụa
 Nguyên phục đà lụa xanh
 Thần mà cung là tuệ
 Tích mà động là hành
 Nhà trống bày tiệc vui
 Phát triển khởi tươi nhuận
 Nghĩ tợ duỗi vui chơi
 Ngã lượng tình tác giả
 Ở đó sót chỗ chuộng
 Tiêu tâm ngưng thái thanh.

THƠ THÁNG NĂM ĂN CHAY TRƯỜNG

Tinh lửa dưỡng trọng khí
 Chu lừa thổ ngưng dương
 Quảng chớ tán nguyên biến
 Khởi gió nương hòa bay
 Súc thấm nhuận vô biên
 Bốn bộ kính vui mừng
 Trong sạch lên nhà trống
 Thanh tịnh hòa xuân sáng
 Đêm sợ sương thu mạnh
 Tiêu điều vịnh rừng đầm
 Điềm tĩnh thành vị bàng
 Dật dung nghiên xung cơ
 Thái thái vận cung thương
 Người thợ nắm thân nêu
 Nương gió thổi cỏ thơm
 Đạo hành nói hành sâu
 Đẹp dễ nói lý dài

Gắng gổ Duy-ma linh
 Đúc âm sướng du phương
 Tráo lao mầu nghiêng huyền
 Tuyệt trí do cận tạng
 Lược lược vi dung giản
 Tán tiếng chấn lưới đạo
 Chọn phiền luyện câu trần
 Ách đến đẹp chương hay
 Rộng như sợ gió tan
 Xa như ban đêm sáng
 Ngụ ngôn há đã nương
 Ý được thuyên tự táng
 Thấm nhuần mầu tập dung
 Ma ma khinh trần vong
 Tiêu sách tình dữ đời
 Liêu lãng thần hiên trượng
 Ai cho bến tối xa
 Nếu ngộ thì chống lại
 Nguyên vi thầy Hải du
 Chèo thuyền vào sông thương
 Vượt sóng sấm nêu khách
 Huyền quy hội đạo tràng.

TỰA THƠ “BÁT QUAN TRAI”

Gian Dữ Hà phiêu kỳ kỳ đứng vi hợp thành Bát quan trai

Ngày 22 tháng 10, tập trung những người cùng ý tại Ngô Huyện dưới mộ Sĩ Sơn.

Sáng ngày mồng ba là trai giới, Đạo sĩ, người tại gia gồm hai mươi bốn vị. Thanh hòa tú mục đâu không thanh tịnh.

Đến sáng ngày mồng bốn, các bậc hiền đều đi, tôi đã vui lặng lẽ nơi nhà vắng, lại có tâm tìm thuốc, liền một mình đi đến. Lúc đó bèn vẫy tay đưa về. Có tư tưởng hướng đến đường đi, tịnh cung hư phòng. Ngộ được chân ngoài thân, lên núi tìm thuốc và niềm vui bên vách đá và nước, để an ủi hai ba tình.

THƠ “BÁT QUAN TRAI” (ba bài)

Kiến ý làm pháp trai
 Lý nhân kế minh trừ

Tướng và kỳ ngày tốt
Mộc dục tạo gò nhàn
Vui vẻ lên nhà hiền Sáng
sửa tâm tu sạch Yếu
điều khách bát trai
Không kiên tự ràng buộc
Tịch mặc năm tập chân
Hăng hái lệ tâm nhu
Trống pháp tiến ba khuyến
Cảm động lời dạy bảo
Xót thương nguyện hoằng giúp
Mọi nhà đều đồng thuyền
Lời Thánh nêu rõ ràng
Ứng với lời mong cầu
Tôn thành giáp thất lý
Ba cõi khen thanh tịnh
Tốt đẹp quy tể tướng
Rậm rạp như mây nổi
Ba hồi khởi buổi sáng
Hai sám vào trưa tối
Minh cầm giới trong sáng
Bị lễ tắm huyền dịch
Tiêu sách đình tâm ly
Phiêu diêu thích theo gió
Tần ngần ở đường rẽ
Giơ tay hạ nửa chừng
Ruộng trong nhẹ rong ruổi
Tập tập lãng điện kích
Túc tâm đầu từng bước
Linh linh chấn kim sách
Dẫn lĩnh vọng chinh nhân
Hận hận nhớ nghĩ chưa
Khuất thân chẳng có ngã
Vật ngoài đã vắng lặng
Ngâm vịnh quy hư phòng
Thủ chân ngoạn u trách
Tuy phi một lần qua
Thả dỡ nhàn tự thích

Tĩnh một tán bông lơ
 Từng âm vịnh đầu tiên
 Hoàn mạc chỉ rừng nhỏ
 Để vườn lệ khích dũ
 Tùng dung hà tưởng dật
 Thái được lên bờ cao
 Nương vách lên ngoài tâm
 Tiêu điều đến vạn mẫu
 Nhìn núi vui thông tươi
 Ngắm đầm buồn sách liễu
 Giải đới dài chỗ rẽ
 Ta-bà sông xanh hữu
 Gió lạnh giải phiền não
 Suối lạnh rửa ấm tay
 Vắng lặng thân khí sướng
 Kính như bàn rừng xuân
 Đạt độ thâm ba tài
 Hoảng hốt đáng thần ngẫu
 Du quán đồng gò ẩn
 Thẹn không hóa trữu ngay

THƠ VỊNH HOÀI

Cao ngạo nương thơ sách
 Ngày qua rồi tháng lại
 Như táng khốn sóng gió
 Lưu lãng theo vật đời
 Giữa đường cao vận ích
 Yếu diệu kính trọng huyền
 Trọng huyền ở hà hứa
 Tìm chân ở trong lý
 Lựa chọn vì ta dưỡng
 Tiêu điều khiến ta nhàn
 Liêu lượng tâm thần sáng
 Chứa đựng sáng tự nhiên
 Bồi hồi trầm tình khứ
 Rực rỡ lòng tươi mát
 Do dự xem tượng vật
 Chưa thấy hết toàn trâu

Lông Lân có chỗ quý
Chỗ quý ở quên nơm
Ngồi thẳng lân cao cảnh
Mênh mông nghĩ công lao
Nghiêng chân thân dây cương
Lĩnh lược gọi chung thư
Đến già cáp song huyền
Phi trang ngoạn thái sơ
Vịnh phát thanh phong tập
Xúc tư đều điềm đạm
Cúi vui chất văn tốt
Ngưỡng bi hai tượng tổ
Tiêu tiêu trụ hướng
Vắng lặng mông ấp trống
Mở mang việc ngàn năm
Tiêu dịch về không vô
Không có đâu bị thương
Muôn khác về một đường
Đạo hội quý tướng thâm
Vong tượng xỏ châu đen
Khiến nước đục thành trong
Cơ quên soi nước trong
Úp gương về lóng lạng
Dung và làm đạo phù
Tâm và lý lý mật
Hình và vật vật sơ
Tiêu sách do việc đi
Riêng cùng thần minh cư
Mặt trời hy xuân phố
Du miến khen thời quan
Cảm vật nghĩ chỗ gá
Tiêu điều dật vận thượng
Còn nghĩ Thiên Thai cao
Phảng phát đều kính ngưỡng
Gió lạnh đẹp rừng lan
Ống sáo vang tiếng xa
Ven trời nuôi dây sấn
Thần sơ đều nhuận trường

*Chu sa ánh chiếu soi
Phương chi diệu năm hiệp
Từng cạnh trọng vẫn sâu
Mắt mắt động đá rộng
Trong có tâm hóa sinh
Thân ngoài giải thế cương
Bão phát trấn hữu tâm
Huy huyền phát vô tướng
Quy quy hình nhai đôi
Huýnh huýnh thân vũ sướng
Xoay vắn vô tạo hóa
Phiếu miết lân nhân tượng
Nguyện đầu nhứt nhân tung
Cao bộ gậy chấn sách
Nhà nhàn gá tĩnh thất
Vắng lặng hư thả chân
Dật tướng tuôn trên đôi
Mông lệ vọng u nhân
Khái hỷ huyền gió thấp
Giao giao lìa nhiễm huân
Thời vô vấn đạo ngủ
Hành ca e nhân gì
Linh khê vô kinh lãng
Bốn núi không hạt bụi
Dư tượng đạo núi xem
Giải giá chuyết chi luân
Phương tuyến đại cam lễ
Núi quả kiêm hành trân
Du lâm sướng khinh tích
Mưa đá tí vi thân
Sùng hư tập bốn chiếu
Tổn vô quy tích thân
Vi noãn noãn phiền tình
Giọt giọt trọng khí mới
Gần chẳng khách trong xứ
Xa sợ vi, vô vi
Cô tai tự có bạn
Đất sẽ nở hoa đẹp*

*Sáng trời chảy ánh quang
 Thần lý mau chẳng mau
 Đạo hội không lẩn áp
 Siêu siêu giới người đá
 Ác huyền lăm cơ lĩnh
 Dư sinh nhất hà tán
 Phân chẳng giúp mé trời
 Chìm vô minh đến vận
 Biến bất dương ủy bính
 Nhiễm nhiễm niên vãng tuấn
 Du du hóa mong mãi
 Kiêu thủ hy bến huyền
 Tưởng đặng cố chửa chánh
 Sinh đồ tuy mười ba
 Ngày đã tạo cảnh chết
 Nguyệt đắc lý vô thân
 Đạo cao xung mật tĩnh.*

THƠ “THUẬT HOÀI”

*Chim lượn hót Côn Luân
 Chí ẩn vọt hư không
 Hoảng hốt về Linh hàn
 Sắc bên thê nam ngu
 Trạc tức khuy lưu lan
 Thái luyện chứa thân sơ
 Cao ngâm súc phương lễ
 Bay liệng lên thân ngộ
 Túc túc kha minh phiên
 Mênh mông dục thanh khu
 Tưởng lâu huyền vận đời
 Cúi đầu đợi linh phù
 Sông trong thành có lúc
 Chấp cánh khiến nhọc người
 Tổng giác đôn đại đạo
 Hai mươi lộng song huyền
 Lăn lượt thích trường la
 Cao bước tìm vua trước
 Diệu tổn giai huyền lão*

Vọng hoài lãng hào xuyên
 Đạt quán đều làm đượ
 Xuy luy đều tự nhiên
 Cùng lý ghét linh tân
 Chiêu chiêu thần hỏa truyền
 Hi di an xung mạc
 Ưu du lạc tĩnh nhàn
 Cao du không vị nếm
 Quyển luyến phi nhĩ huyền
 Ngươi tâm ủy hình độ
 Lốp lốp tùy hóa đời.

THƠ VỊNH ĐẠI ĐỨC

Tưởng xa còn nhiệm mầu
 Gió lộng nhất hà sương
 Phẩm vật nhóm huy hoàng
 Sinh đồ liên hoảng hốt
 Đã táng đại trùng chân
 Vật dụ thì trí rộng
 Xưa nghe bào đình tử
 Hươu giáo nhậm thần đến
 Cầu năng từ xung âm
 Nhiếp sinh vẫn chỉ tay
 Nương kia lai vật gian
 Đầu thử im lặng chiếu
 Xa độ suy cuộn duỗi
 Vọng hoài gá vãng tượng
 Giao lạc doanh ức tâm
 Thần hội để cúi ngược
 Đại đồng la muôn khác
 Ủy nhượ đủ diện vãng
 Gửi gắm biển khu hương
 Ủy hóa đồng trời đất.

BÀI TỰA ĐẠO NHÂN VỊNH THIÊN TỬ

Tôn Trường Lạc

Làm một tượng Đạo sĩ ngồi thiền và khen ngợi, có thể cho rằng:
 Phủ đối gởi tâm thành, cầu tham yên hoành ách. Thế núi rừng cao tuyệt.

Tưởng y nhân ở đây. Dư tình kỳ chế tác, mỹ kỳ gia văn, bất năng mật dĩ, liêu trước thư một bài như dưới đây:

*Vân sầm rất hoang sơ
Rơi rơi như tấm vải
Trở lại với suối lan
Túc lãnh tán gia thọ
Úy hội vi du cầm
Tranh vanh bật nẻo bước
Trong có xung hy tử
Ngồi thẳng mộ thái sách
Tự cường giúp thiên hành
Chí hèn chẳng muốn đi
Ngọc chất lãng gió sương
Se lạnh xệ thanh thú
Đốc lòng kế thông lạnh
Trù mâu mát chiều về
Trong hội giữa hai dút
Miên miên tiến việc thiền
Đầu nhất diệt quan biết
Nhiếp hai do thân gặp
Thừa điều lụy ách hoàn
Lụy mười cũng ngưng chú
Huyền tâm đất vô khí
Điều nghiên cách thô lự
Minh hoài di chấn kinh
Sợ sệt tứ u độ
Gặp lòng duyên sáu tịnh
Không đồng dút thất trụ
Thệ hư thừa hữu lai
Mãi mãi là hữu đãi.*

VỊNH SƠN CƯ

*Ngũ Nhạc bàn thân cỏ
Tứ Độc chảy sông ngòi
Động cầu nhìn phương trí
Yên giữ nêu tinh nhân
Nếu không yên xuất xứ
Nương gá nhân hữu thường*

Tìm nguyên còn chung cổ
 Tưởng rộng suốt ẩn dật
 Ngọc sạch kia dưới núi
 Tiếng vàng suốt sông nghi
 Cuốn Hoa Tạng rồi rắm
 Chấn hạt phủ bụi trần
 Dấu từ sâu nhỏ khuất
 Đạo và ngựa mạnh ruổi
 Tuấn vô đơn báo phạt
 Phân chẳng đầu dương chân
 Thở dài về núi rừng
 Tốt đẹp dụng người tài.

BÀI TỰA TẬP THƠ “NIỆM PHẬT TAM-MUỘI”

(Đời Tấn, Thích Tuệ Viễn núi Lô)

Tựa rằng: Gọi “Tam-muội” nghĩa là gì?

Nghĩa là chuyên tư tịch tưởng.

Tư chuyên thì chí nhất không phân biệt. Tưởng tịch thì khí rộng thần sáng.

Khí rộng thì trí điềm đạo soi chiếu kia. Thần sáng thì chẳng u chẳng suốt. Hai điều này chính là huyền phù tự nhiên, hội nhất mà chí dụng. Thế nên cảm vật thông linh, ngự tâm chân chánh, động ắt nhập nhiệm mầu. Đây là mượn việc tu để ngưng thần, chứa công để chuyển tánh. Còn hoặc như thế, hướng thân ở tọa vong, minh hoại chí cực, trí lạc vũ trụ, đến chỗ đại phương vi? Xin nói về lúc ban đầu kia.

Bồ-tát mới lên đạo vị, vừa để ý huyền môn. Thể vắng lặng vô vi mà không đầu chẳng vi, sánh bằng thần biến kia. Khiến cho dài ngắn cách thường độ, lớn nhỏ trái lẫn nhau. Ba quang hồi cảnh để soi chiếu, trời đất co duỗi mà nhập hoại.

Lại các Tam-muội, tên kia rất nhiều. Công kia dễ tiến, niệm Phật là bậc nhất.

Vì sao gọi là cùng huyền cực tịch tôn hiệu Như Lai? Thể thần hợp biến ứng không từ phương hướng, cho nên khiến cho đây nhập định. Mờ mờ quên biết tức sở duyên để thành gương soi. Sáng thì soi chiếu bên trong sáng tỏ muôn tượng đều sinh. Chẳng phải chỗ tai mắt đến mà nghe thấy thực hành ư? Đối với đây thấy được thể ngưng đọng hư cảnh. Ngộ thì linh căn vắng lặng thanh tịnh tự nhiên. Xem xét huyền âm khẩu tâm thính, thì trần lụy thường tiêu, trệ tình dung lãng. Không phải chỗ

chí diệu của thiên hạ thì ai chung với ở đây. Xét theo đây thì nhất định chi cảm bèn phát chín tập lưu phú, dứt trọng mê của hôn tục. Nếu dùng sở duyên của các định thất phu, chẳng được nói sự hơn kém kia, rất dễ chịu. Đây là do phụng pháp các bậc hiền đều cảm khế hợp nhất đạo, cảm đối cảnh tắc bóng. Sợ lai trừ chưa chứa nhóm. Đối đây rửa tâm pháp đường, chỉnh y thanh hưởng. Phần đêm quên ngủ. Đêm trước chỉ siêng năng, đồng đến với chín duyên. Ngưỡng viện siêu bước bạt mâu chi hưng thương xót dẫn dắt kẻ yếu tiến bộ, sách tấn người học sau kia. Do đây mà xét, huy hàn của các thiên đầu lống văn vịnh mà thôi?

NIỆM PHẬT TAM-MUỘI (Lang Da Vương Tề Chi)

*Diệu dụng sâu mầu
Thiếp có lã không
Thần do muội suốt
Thức để chiếu thô
Chứa vi tự dẫn
Do công vốn rộng
Dứt ba quán kia
Quên mây may kia
Tịch Hán hà thỉ
Lý mầu thông suốt
Dung nhiên quên thích
Bèn rộng linh huy
Tâm xa bờ cõi
Không được theo cơ
Dụng đó để vui
Hội đó để mong
Thần giúp thiên ngưng
Viên ánh mây sáng
Cùng hóa mà cảm
Cùng vật thành bầy
Ứng không dùng phương
Người thọ tự phân
Vắng lặng gương sâu
Vàng, nước bụi xen
Khái tự một đời
Túc chi tuệ thức
Nương gá uyên nhân*

*Nương nhờ sức thâm
Chuyển đổi công phu
Chỗ sâu chỗ rộng
Một niệm chí thành
Chú tâm Tây cực.*

KHEN NGỢI TÁT-BÀ-ĐA LUÂN

*Sâu thay đạt nhân
Thần kia thấu triệt
Cảm mộng hồn giao
Mở Thánh triết này.*

KHEN NGỢI TÁT-BÀ-ĐA LUÂN VÀO NÚI CẦU PHÁP

*Tiếng phát khắp núi
Tức phát u thành
Tiếng vào trong tai
Vui mừng Thần chánh
Vâng mạng tiêu du
Trăm lo đồng tối
Gởi tâm ở nguyện
Hóa chính hàng linh.*

KHEN NGỢI TÁT-BÀ-ĐA LUÂN THỈ NGỘ MỤC CÙNG DƯỜNG ĐẠI SƯ

*Quy đồ sắp mở
Cửa linh lại mở,
Thần công khó vẽ
Đợi tổn mà ích
Tin đạo quên mình
Vui không kỳ hạn
Không phải triết nhân
Ai tìm lời hay.*

KHEN NGỢI BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT

*Vực sâu êm êm
Đạo huyền cùng tận
Như biển lớn kia
Trăm sông đều dẫn*

*Bờ không đợi bến
Đường vô toàn chốn
Ba dòng mở nguồn
Nơi đây cùng dứt*

KHEN NGỢI NIỆM PHẬT

*Đẹp thay Chánh giác
Thể thần do không
Động không có bờ
Tĩnh không lân hư
Hóa mà chẳng biến
Tượng mà không mẫu
Chiếu chân tánh kia
Soi các thô kia.*

MƯỜI HAI CHƯƠNG: PHÁP LẠC TỪ (Đời Tề, Vương Nguyên Trường)

*Trời dài mạng tự ngắn
Đời ngắn đạo thênh thang
Đường thiền xe rộng xa
Biển ái thuyền loạn khinh
Lụy trần chưa hề hết
Tâm thọ đâu đếm được
Bụi trần dùng gì rửa
Nước chánh có dòng trong.*

HỮU CA BỐN KHỞI

*Trăm thân rất cung kính
Ba linh sớm vượt qua
Thường chiếu khắp phương nêu
Huân phong động lan nguyện
Chu vinh tạo ao ngọc
Lông chim tô ngọc khuyết
Hạo thuế không luống đến
Giao luân đâu luống khởi.*

HỮU CA LINH THỤY

*Đã giữa xuân năm tốt
Sao sáng chưa nửa đêm
Thiên tự chung nơi nghỉ*

*Muôn nước từng tốt đẹp
Kim thân giúp cảnh tối
Tóc đẹp mang thần quang
Biểu trần chỉ tịnh giác
Phàm tục là luân hoàng.*

HỮU CA HẠ SINH

*Nhận khí biến lia cung
Trùng khác kính tầng điện
Tiếng ngân cảm tâm thần
Thân tu khởi vui vẻ
Sinh già rồi luân hồi
Bệnh chết đang bước đi
Mới là đến nước tịnh
Đâu kết ách thành luyến.*

HỮU CA TẠI CUNG

*Cành xuân nhiều bệnh yếu
Lá thu ít tốt tươi
Thân tâm trọn tàn diệt
Thân ái tạm thời sinh
Gió mạnh thổi Bắc Lũng
Nước mạnh gập Đông Lay
Biết ba tình đã vui
Được một thân bền vững.*

HỮU CA BỐN DU

*Phi sách từ quốc môn
Đoan nghi yển giao thọ
Từ ái luống nghĩ nhau
Trong phòng không luyến mến
Phong lệ trái vãng đồ
Chân ngựa một đường về
Giơ tay tạm biệt người
Đắc đạo lại trở về.*

HỮU CA XUẤT QUỐC

*Minh tâm mở mười phương
Tịch lự chung bốn thiên*

*Chim xanh nương vết ẩn
 Vẩn ly cảnh trọng xuyên
 Thấu nham tiêu viễn thẳng
 Lộc dã cứu thanh huyền
 Không hy vọng của báu
 Làm sao dứt mộng tuyền.*

HỮU CA ĐẮC ĐẠO

*Đình đình cao tới mây
 Ngất ngưỡng thân sương kết
 Trên sông không bồi hồi
 Giữa cảnh đều biến diệt
 Linh trí vắng thường nhiên
 Phù ứng có đủ thiếu
 Cảm vận lại có nghi
 Nhàm chán cõi nhân gian.*

HỮU CA SONG THỌ

*Xuân sơn ngọc đã chứa
 Đàn lâm cỏ đã rậm
 Dẫn lửa về đốt cháy
 Rót nước từ đê trong
 Vườn nhà chẳng vết khác
 Kỳ quan có đồng bạn
 Ngang nhau không xưa nay
 Tiếp Võ há Yến, Tề.*

HỮU CA HIỆN CHÚNG

*Xưa ông khinh năm tháng
 Đây cũng trọng thời gian
 Trong phòng bỏ diên đại
 Dưới cửa bỏ trâm anh
 Thiên duyệt gồm phương chỉ
 Pháp hỉ quên cầm thanh
 Một khác không thể nói
 Vinh nhục gì là tâm.*

HỮU CA HỌC ĐỒ

*Cao lớn đến hư không
 Xa xôi tận gió xa
 Đẳng phương thanh Hán lý
 Tiếng Phạm cao trong mây
 Hoa vàng thật tốt tươi
 Cây huỳnh đâỵ hành xanh
 Tâm thành duyên cảnh tịnh
 Nghiệp sâu nối Thiên cung.*

HỮU CA CUNG CỤ

*Bóng tiếng không hề cách
 Tối sáng đâu có gần
 Hoằng từ gần rồi xa
 Tuệ hậu phiến cao trần
 Trong cõi đề phước lớn
 Ngoài nước thẳm nhân sâu
 Muôn năm giữ phước nước
 Ưc triệu vui dân Đường*

HỮU CA PHƯỚC ỨNG

Chùa Tê Huyền nghe giảng xong đến các phủ, cộng bảỵ vận ứng từ đồ giáo (Vương Dung đời Tê):

*Nghiệp đạo hơn xa đâỵ
 Tâm địa nhàn hay rồi
 Quế cháy uất sơ tải
 Lan trì thản tương bích
 Hư diêm đối trường tự
 Mái cao lâm quảng dịch
 Phương thảo liệt thành hàng
 Cây gia phân như tích
 Gió thổi chuyển hoàn kích
 Khói trong khói rộng đá cứng
 Mặt trời gá chiếu hồng
 Thông ánh thủy hoa bích
 Sướng tai nhân ngoại thưởng
 Trì trì xuân sắp tối.*

THƠ THUẬT BA GIÁO CỦA LƯƠNG VĨ ĐẾ

*Lúc nhỏ học Khổng, Chu
 Hai mươi rành sáu kinh
 Hiếu nghĩa và phương sách
 Nhân thứ Mãn Đan Thanh
 Tiễn ngôn quý khứ phạt
 Làm lành nơi thích sống
 Trung niên xem sách đạo
 Có tên và không tên
 Diệu thuật chạm bằng vàng
 Chân ngôn ẩn thượng thanh
 Mật hạnh quý âm đức
 Hiển chứng lúc trưởng thành
 Tuổi già xem sách Phật
 Như trăng soi các sao
 Khổ tập mới hiểu biết
 Nhân quả mới rành rõ
 Giáo pháp chỉ bình đẳng
 Chí lý quy vô sinh
 Căn phân biệt khó đồng
 Tánh chấp trước dễ sợ
 Tột nguồn không hai tánh
 Việc lành không ba anh
 Cây xuân lớn ức thước
 Cỏ nhỏ tài vân manh Mây
 nhiều giáng mưa lớn Tùy
 phần đều được tốt Tâm
 tưởng khởi hiểu khác Báo
 ứng có hình lạ
 Sai biệt đâu tác ý
 Sâu cạn vốn vật tình.*

ĐỜI ĐƯỜNG, THÁI TỬ CHIÊU MINH LÀM THƠ “PHÁP HỘI CHÙA KHAI THIÊN”

*Chim đậu vẫn chưa bay
 Mạng giá xuất sơn trang
 Khuất khúc lên lĩnh ngựa
 Xen nhau vào ruột dê*

Vừa thấy nguồn rậm rạp
 Dần thấy núi xanh xanh
 Sao rơi vùi cây xa Sương
 mọc khởi ánh trời Ao
 âm túc tảo nhận
 Gió lạnh giục sương đêm
 Đất này tin nhân tịch
 Thanh tịnh chỉ đạo tràng
 Cây ngọc nước lưu ly Mãn
 lông vũ, giường vàng Quế
 đỏ, đất san hô
 Cờ thần, ngọc trắng sáng
 Khiên la xuống thêm đá
 Phan quế dựa thân tùng
 Khe nghiêng trời sắp lặn
 Khói sinh lâu nửa tạn
 Ngàn năm có gì xa
 Trăm đời quy ngã cùng
 Gương vắng lặng vô phương
 Pháp luân nhà tối sáng
 Biển tuệ vượt thuyền từ
 Trần căn lâu chưa gội
 Thấm nhuần đủ ánh sáng

PHÙ ĐỒ CHÙA ĐÔNG THÁI CỦA GIẢN VĂN VỌNG

Xa thấy Quan Phật đồ
 Ngọc bích lại rữ châu
 Chúc quân vượt Hán Nhữ
 Bảo dịch mại Côn Ngô
 Trời sáng tia ánh tỏa
 Phong ngâm cung riêng khác
 Lộ rơi đầy Bàn hằng
 Đồng sinh phụng dẫn chim
 Cờ bay xen cầu vòng
 Họa ô hiệp thân oan
 Phạm thế lãng dưới không
 Ứng chân tộ cảnh xu
 Đế mã đều ngàn dây

Thiên y đều sáu thù
 Ý vui khai biểu dài
 Món báu hiện toàn thân
 Khiến cho qua biển khổ
 Lại khiến vượt ngã mạn
 Nguyên hay đồng bốn nhẫn
 Thường ra khỏi chín cõi.

VƯƠNG HUẤN PHỤNG HÒA

Phó quân ngồi bay quán
 Bêu thành thuộc rừng lớn
 Cửa vua tuy thông suốt
 Lộ tháp lại ngàn tầm
 Trúng lô xuất hán biểu
 Tăng cung mạo vân tâm
 Côn sơn ngọc chạm khắc
 Nước đẹp vàng ánh sáng
 Thuyền bàn đồng sương tay
 Phụng đáp tợ thú bay
 Trăng lặn thêm tây ám
 Mặt trời đi đông xâm
 Ngược dòng khai quyển thuộc
 Ngọn bút động áo thần
 Nguyên nương thuyền trở lại
 Ra hẳn khỏi sông ái.

PHỤNG HÒA CỦA VƯƠNG ĐÀI KHANH

Ánh sáng thật xán lạn
 Tháp vọt lên ngàn trượng
 Nghi phụng khác chim linh
 Kim bàn thay tay tiên
 Tích củng thừa điều giác
 Mái cao đỡ màn châu
 Đất báu như cát ao
 Chuông reng như tiếng cây
 Khoảnh khắc sinh ngàn biến
 Nét vẽ họa muôn tượng
 Sương mù lúc có, không

Thần tiên chợt đến đi
 Sương sáng nửa tầng sinh
 Cờ bay tiếp trên mây
 Nghê đi đâu dám dừng
 Gà bay đâu thể ngược
 Khen lành giúp triết nhân
 Lưu vịnh quy minh lưỡng
 Nguyễn nương thuyền bè kia
 Bờ kia ai nói rộng.

PHỤNG HÒA CỦA DỮ TÍN

Xa xa lên bầu trời
 Chiếu điện gần Đông kinh
 Bóng dài đến hai cửa
 Cao vượt quá chín thành
 Cũng tích hành vân ngại
 Phươn động làm chim sợ
 Phụng bay như mới đậu
 Sen nở như mới mọc
 Luân trọng đối trắng tròn
 Tiếng chuông giống tiếng loan
 Vẽ dòng nước toàn chảy
 Họa sắc mây nửa nhẹ
 Bày vãng bàn như giọt (nước)
 Ngọc vào lửa lại sáng
 Tùy vọng uyển rộng lớn
 Lại tiếp thành cát bạc
 Dưới điện quế Thiên hương
 Tiên Phạm nhập y sinh
 Nghe tám món giải thoát
 Mới bỏ sáu trần tình.

ĐÊM NHÌN TƯỚNG LUÂN TRÊN THÁP, GIẢN VĂN

Ánh sáng rõ phụng đáp
 Trong sương thấy loan bay
 Định dụng nước hương chư
 Trì thiêm thừa lộ bàn.

PHÚ VỊNH NĂM ẤM THỨC CHI CỦA GIẢN VĂN

*Nước chảy cuộn thân nhân
 Tâm hình lại nương sắc
 Sóng đục theo tình bay
 Lưới ái tùy tâm kéo
 Vàng đúc tuy đổi hình
 Trăm trù phương vị cực
 Bồ câu xem không rõ
 Vượn vịn đây đâu dưng.*

LƯU XƯỚC PHÚ VỊNH BÁCH LUẬN XẢ TỘI PHƯỚC

*Tìm nhân, đường bèn khác
 Và bỏ đường vẫn cùng Tội
 khổ trở lại vui
 Tội vui khổ lại sinh
 Há không luân hồi ái
 Đều mê đắm ở tình
 Mỗi mỗi biết tẩm tướng
 Nhiễm lạc pháp lưu thanh.*

GIẢN VĂN, MÔNG HOA LÂM GIỚI

*Người ngu đắm thế lạc
 Tục sĩ trọng hư danh
 Ba không đã khó rõ
 Tám gió thường dễ nghiêng
 Người ta đều đồng vật
 Vốn tự một khô, tươi
 Tuổi già ưa cô đơn
 Do sau thọ bá thành
 Phi vi ưa phì độn
 Trì thị yếm phùng nghênh
 Chăm ngọc giữ nước Phiên
 Chủ khí làm nguyên trinh
 Ngày xưa vẽ chữ bạc
 Lâu tự then tông anh
 Đây há đeo ấn vàng
 Do đâu đức rộng lớn
 Ở cao thường lo thiếu*

Cầm đu hay sợ đầy
 Đây nói tin không mạnh
 Lòng son tốt đáng nói
 Ghe thuyền phụng lời dạy
 Đất dẫn giáng hoàng tình
 Đèn tâm sáng nhà tối
 Thuyền chắc ra biển ái
 Tiết đây cao thu vãng
 Khí trời mênh mông trong
 Giao môn quang cảnh đẹp
 Cầu năm mây mọc sinh
 Trong sen đỏ thanh tỏa
 Sương tím ướt nhà đỏ
 Diệp mới qua kính sơn
 Suối chảy reo quanh núi
 Áo xanh nương ven sông
 Trán đỏ phát trong rừng
 Được tám thứ giải thoát
 Mới khiến sáu trần nhẹ
 Khi nghe thì bỏ được
 Không xả bỏ trọng thành.

GIẢN VĂN, MÔNG DỰ SÁM TRỰC SỐ VÀ HỌA (5 BÀI)

Hoàng tình thương huyễn tục
 Thánh đức xót kẻ mê
 Chế sách khai nhiếp thọ
 Tơ nhỏ rộng tuệ môn Xưa,
 anh hùng đầy nước Bạt
 pháp thanh cõi trời Lấp
 hết phược năm đường
 Cùng đẹp oán bốn loài
 Ba tu trừ ngựa ý
 Sáu niệm tịnh tâm vượn
 Sân rộng rừng đẹp dã
 Đất lặng chim hát ca
 Trên gió thổi ốc pháp
 Chuông reo nơi mái hiên
 Mai mới đều chưa nở

*Quế rụng nhóm trở lại
 Khói sớm chứa thêm đá
 Thủy triều ngâm cửa sông
 Một sớm khéo dẫn dụ
 Mới mong khởi lồng chim
LƯƠNG VĨ ĐẾ HOA
 Ngọc tuyền lậu đã hết
 Cửa vàng sáng chưa thành...*

VƯƠNG QUÂN ỨNG CHIẾU VÀ LỜI TỰA

Hoàng Thái tử, thơ phụng hòa sám hối. Bền dăng Hoàng Thần, tột Thánh chỉ tức số hàng, cùng chỗ dùng mười vận tâm rộng lớn vui mừng chưa từng có vội sưu tầm các vận khác liền nêu lỗi lầm:

*Nhất thánh trí sánh sáng
 Đức vua sáng bốn biển
 Gánh vác thật du thuộc
 Độ thoát thật ở đây
 Sám thuyết tề mông ngu
 Suy tâm trừ khinh khi
 Danh tăng dẫn định tuệ
 Triệu anh nêu nguyên hải
 Hoàn mê nhờ người lành
 Phản tâm do chân thật
 Hòa linh lẫn thổi âm
 Phươn đẹp sáng màu tuyết
 Bèo sáng muốn rút lá
 Bụi tre muốn rũ cành
 Hết lòng thương xót đến
 Lòng thành tin gấp bội
 Đẹp dễ như sương mù
 Hoa lan như hạt châu
 Dẫn dụ muốn kế tục
 Xá hào quý vẫn thái*

THÁI TỬ CHIÊU MINH GIẢNG TỊCH SẮP XONG PHÚ BA MƯỜI VẬN Y THEO THỨ LỚP DỪNG

*Pháp uyển gọi gia nại
 Vườn này trúc đẹp dài*

Linh giác vờ ảnh nhau
Thần tiên và tê tức
Tuệ nghĩa sánh ngọc quỳnh
Huân nhiệm dụ lan cúc
Lý huyền sánh mười kế
Công sâu như chín nhà
Hoa thủy sợ ghe bạc
Phượng cù xếp trục vàng
Lời nói dứt đã lâu
Phiên lao ràng buộc nhiều
Do đây mở mây tuệ
Muốn cho phục tâm trần
Tắm nước nhuần tiêu nha
Ba mình mở các mắt
Chuông báu sáng không đều
Danh hương tối ngào ngọt
Tạm bỏ sáu xe ngựa
Bỏ đi hai xúc này
Cây ý tu hoa trời
Sen lòng nghe thơm phức
Đây dụ biển khơi động
Như trái Am-la chín
Diệu trí như gấm màu
Lời thâm đồng sương mốc
Khéo học đồng Phạm thảo
Chân ngôn khác tâm đồng
Thấu suốt bao gồm thành
Ngọc trúc bày vàng rực
Châu hoa rợp tám khe
Dòng ngọc thông chín hang
Thú xanh chợt xuống lên
Nhạn trời bay trở lại
Nói lớn thuộc lúc nghe
Ít nghe luống tự thẹn
Trời sáng tổ uyên ương
Gió qua nhà nhen nhen
Hoa rơi rải hương xa
Mây nổi cuốn loài xa

Sông rộng đồng vườn voi
 Trung thừa như dưng riêng
 Lửa sau khó vững chắc
 Sơ tâm dễ lui sụt
 Nên phải lia hoa nước
 Chẳng nên trái cây sơn
 Núi cao không đáng quý
 Rừng rậm đâu thể giữ (yên)
 Khí nguyệt ít giữ bóng
 Tâm khôi nhiều phương khác
 Thấy ái đồng tìm ong
 Đạo thiện như nguyên thực
 Tám ấm núi tiên nhân
 Bốn sáu thân long úc
 Được thọ thường rậm rạp
 Cảnh thiền đâu điều khắc
 Nhờ đây vui nghe đạo
 Hầu bỏ được lo lắng
 Nguyên truy lộ xe báu
 Thoát lý thân suy cốc.

VĂN GIẢN, RA GIẢNG CHÙA HÙNG NGHIỆP

Mộc phương sớm mang lấy
 Giá ngôn chỉ tịnh cung,
 Hai cánh còn in bóng
 Nạo thổi tạp hoàn phong
 Ngô qua hạ bản tên
 Ngựa ký ghi thăm cung
 Nước chiếu liễu xanh rờn
 Khói bay đào hồng lọt
 Do có sáu trần phược
 Từ lâu năm triển che
 Thấy Hạc luống biết lầm
 Xét voi lý khó đồng
 Mới biết thẹn bốn biện
 Đâu thể nói ba không.

**LƯƠNG NGUYÊN ĐẾ HÒA LƯU THƯỢNG THƯ
THỊ NGŨ MINH TẬP**

Đức vua thắm cõi nước
Rũ áo bày thái bình
Huỳnh đường thẹn mậu thật
Con tợ thẹn tiếng hay
Trị gia bày năm lễ
Công thành tấu sáu anh
Hấp dẫn lưu thần giám
Ghe thuyền động thấu tình
Pháp vương chỉ một pháp
Vô sinh tin bất sinh
Nhân nhân từ đây thấy
Quả quả từ đây rõ
Nguyên lương ngưỡng phó hậu
Hàm nhất chấn hồng danh
Quy tạng du khái thế
Lỗi lại quan xuân khanh
Cung nhật đẹp khí này
Điện nguyệt khéo gió mát
Khí tiền tộ Tây quán
Màn che cuốn nam vinh
Cửa vàng luyện trống sáng
Bầu ngọc nghỉ canh đêm
Cung quý lưu hiểu hợp
Thành ô xâm thụ minh
Lộ quang trên càn động
Bóng ráng trong nước nhạt
Kém cõi nay việc gì
Luống biết luyện pháp thành.

**THƠ CHUNG SƠN GIẢNG GIẢI VÀ HỌA
THEO CỦA THÁI TỬ CHIÊU MINH**

Chung Nam gần cửa Hán
Cao chưởng vượt chu kinh
Đây lại thiếu Thiên lãnh
Khung long cách thành vua
Ngay đường lập quán châu

Lâm hạ dựng sơn doanh
 Nam nhìn tận sông Hoài
 Bắc ngắm tới sông Thương
 Bộ đàm thời trung túc
 Phi giai hoặc thượng chánh
 Nhà cửa họa vân khí
 Trang thất vẽ tiên linh
 Phó quân thương lưới đời
 Quảng mạng tụy nhân anh
 Đạo diên chung hậu nói
 Loa bí xuất giao hướng
 Vân phong hưởng lưu xuy
 Thông dã ánh phong tinh
 Duệ tâm gia đổ nhược
 Thần tháo mâu lâm quỳnh
 Đa tạ tiên thánh thường
 Không ban hậu thừa vịnh.

TIÊU TỬ HIỂN PHỤNG HÒA

Tung Nhạc dựng chữ xưa
 Bàn lãnh vượt Nam kinh
 Tâm sáng trọng thiên thất
 Ngựa chạy vượt quá thành
 Xe vàng từ từ chạy
 Ngựa kiềm nhảy lại hí
 Đồ phương sau trần hợp
 Địa huýnh trước già thanh
 Quanh co do đài thọ
 Không bằng bởi cờ bay
 Cao tùy gió thổi lớn
 Thế cùng nguyên thiên tinh
 Khí huyết liên thông xa
 Vân thẳng thu dã bình
 Bồi hồi đến thôn ấp
 Trong ngoài thấy sông Hoài
 Quả báo tôn thường trụ
 Cạn tuệ ở vô sinh
 Tạm giữ phép núi đá

*Muốn biết phương đồ tình
Đánh lễ nhờ vui mừng
Chiêm ngưỡng nghe tiếng tụng.*

LƯU HIẾU XƯỚC HÒA

*Ngự hạc bay y thủy
Sách Mã ra vương điền
Ta dạo nơi Kỳ Thử
Sánh việc thật sáng suốt
Dù đẹp che cảnh sớm
Cờ Châu kéo khói sáng
Lầu trước đẹp hang núi
Đề tổ đẹp rừng, ruộng
Hướng ở đất đặng lâm
Lại đến gió mùa thu
Nhánh cao biển trăm hoa
U nhàn sạch sông suối
Đình loan đối tòa báu
Biện luận vui trời người
Yểm trần giúp nước biển
Chiều tối nhờ đốt đèn
Pháp bằng nhất dĩ tán
Già kiếm nghiệm tương toàn
Gặp gỡ nhiều tốt đẹp
Nương nơi bạn hiền tài
Lời khéo tuy gồm dạy
Ân hận riêng bài cuối.*

LƯU HIẾU NGHI PHỤNG HÒA

*Vui đẹp đến mái Đông
Xe cộ đến vườn Tây
Tuy tốt lễ dạo chơi
Trọn vì trần tục ồn
Đâu bằng hồng bầy giác
Giơ linh khởi bốn cửa
Khí đêm sạch ống sáo
Trận sáng sớm giao nguyên
Gió núi loạn Thái mạo*

*Sơ cảnh đẹp văn viên
 Lâm khai tiền kỳ sính
 Kính khúc vũ toàn truân
 Yên bích phù chim xanh
 Thạch lại hưởng phi bồn
 Hồi tình dưới lầu gác
 Hàng đạo phát chân nguyên
 Bàn không đủ suối chảy
 Chuế tảo mại huyền phồn
 Khinh sinh gặp quá lâm
 Linh tác liễn rồng chim
 Nguyễn dĩ đồng chim tước
 Hà dụng áp cù tôn.*

**BÁT QUAN TRAI DẠ PHÚ TỬ THÀNH MÔN LẠI
 SOẠN BỐN BÀI SỬU TẬP NGÔ ĐỆ NHẤT PHÚ
 VẬN ĐÔNG THÀNH MÔN BỆNH**

*Kính yêu ánh sáng kia
 A triền sinh dễ bề
 Vô nhân tuyết cỏ bờ Lự
 trái Mang sơn huyết
 Khô cạn da, sáu tạng
 Đau đớn các thân phần
 Làm sao trong xúx linh
 Lo khổ không tạm dừng.*

MÔN GIÀ Ở PHÍA NAM THÀNH

*Hư tiêu thật dễ phạm
 Ách Đẳng lại sẽ dứt
 Thường tùy kha đã ít
 Năm nay tin trường quyết
 Đã đồng Ngựa non đi
 Lại giống hoa hồng tàn
 Một hôm, nghiên hanh bỏ
 Cô đấng hành tự lập.*

MÔN CHẾT Ở PHÍA TÂY THÀNH

*Tâm chậm tuy đã khác
Cảnh diệt đâu hơn kém
Tùy theo gió nghiệp hết
Đều trở về luống dối
Năm ấm thật là giả
Sáu đường đâu có dứt
Suy tàn đều trở về
Ưu tư không kết nhau*

CỬA SA-MÔN PHÍA BẮC THÀNH

*Tục huyền sinh ảnh không
Ưu nhiều tâm trần tối
Ở đây trừ bốn triền
Bỏ đó, cầu Niết-bàn
Người học sau để tâm
Mới từ sâu xa khác
Đã buồn cảnh tượng không
Lại làm mây huyền diệt*

BÀI PHÚ THỨ HAI CỦA THÀNH PHÍA ĐÔNG - BỆNH

*Không bệnh thật dễ lành
Bị bệnh nên có khởi
Luống biết lợi năm màu
Trọn buồn rơi chín tuổi
Đã thông tuyết, sơn thảo
Bệnh nặng có ai thương
Lại lo chìm biển khổ
Do đâu quả Tịnh Thiên.*

CỬA THÀNH PHÍA NAM - GIÀ

*Xưa giống sen màu hồng
Tựa ở bênh ao trong
Nay như cây hoa trắng
Lại buồn trước gương sáng
Ba trẻ muốn ở đâu
Ngày khác đời về Tây
Thanh tôn không còn vui*

Bồng tảo khởi lại nghiên

CỬA THÀNH PHÍA TÂY - CHẾT

*Cao đường tin bạn nghịch
Lý nghiệp hoại thường lôi
Ngọc hạp mới ủy sấn
Đài vàng không còn dài
Vãn thịnh theo gần xa
La ảnh mang thông treo
Đâu thể giữ mười niệm
Chì ứng theo bốn duyên*

CỬA THÀNH PHÍA BẮC - SA MÔN

*Kinh hành dưới rừng cây
Câu đạo chí bền vững
Đã có sức thần thông
Chấn tích xa ngược khói
Một là bốn nguyện rộng
Chí đạo đâu thể đấm
Không thể thọ nhiều kiếp
Bất luận năm dài ngắn*

THỨ 3: CỬA THÀNH PHÍA ĐÔNG - BỆNH

*Bệnh triền miên trăm năm
Tự thương không năm phút
Tươi mãi vẽ hòm rấn
Không gặp Nai vị tiên
Tạp khí mê hình vẽ
Nằm ngồi cầu ngủ nghỉ
La Nhu khởi tái hoan
Lâm chi phương sĩ mộc.*

CỬA THÀNH PHÍA NAM: GIÀ

*Tuổi trẻ ưa hoa thêu
Suy mộ dần la nghị
Luống thương tuế nhiễm nhiễm
Bày thơ chẳng nhiều lắm
Tóc hạc từ hiên miện*

*Đài bồi nấu với tiêu
 Thông bách vừa nướng nhau
 Yêu thích mấy lúc hòa*

CỬA THÀNH PHÍA TÂY - CHẾT

*Nhớ nghĩ lúc bình thường
 Ngao du vườn Thượng Uyển
 Thường ở dưới thông bách
 Xuân quang luôn sáng tươi
 Kết căn tổ nhân quả
 Nhánh lá duyên xương thịt
 Tự nên như loa ốc
 Thẳng đây theo gió dao*

CỬA SA-MÔN Ở THÀNH PHÍA BẮC

*Ở đời chán ràng buộc
 Nhờ ruộng có lúa ngon
 Thường mặc áo nhẵn nhục
 Bỏ đây mặc tơ lụa
 Nguyên đất chúng ba đường
 Khiến điều phục mười sử
 Châu nguyệt như trầm thủy
 Thìa vàng chưa cạo mắt*

THỨ TƯ: CỬA THÀNH PHÍA ĐÔNG BỆNH

*Lựa tím chưa có được
 Sông Chương luống lại xa
 Vừa gặp bệnh thái mã
 Bí đực bỏ chạy theo
 Đã không chín chuyển thuật
 Lại thiếu muôn vàng lạ
 Không xem trao cương chướng
 Chỉ mộng ao hoa sen*

CỬA THÀNH PHÍA NAM: GIÀ

*Ngày trẻ ca hát
 Nhìn lại tiếc dung nghi
 Một mai già yếu đến*

Tóc bạc rũ trắng xóa
 Đã thương muôn việc hết
 Lại nhớ đến chín cửa
 Thừa hiên ý ở đâu
 Ngồi một mình như vậy.

CỬA THÀNH PHÍA TÂY: CHẾT

Một hơi thở nay dứt
 Bình sinh đâu khuôn phép
 Ngày dài hiểu lộ xúc
 Ngàn năm ai có biết.
 Nhà đẹp một khi bỏ
 Màn thông thật khó nhìn
 Muôn năm cất châu ứng
 Ngàn năm thôi ngọc kỳ.

CỬA THÀNH PHÍA BẮC - SA-MÔN

Thâm tâm không thể nhiễm
 Chánh đạo cũng khó khăn
 Mới dứt khổ năm dục
 Và bỏ ba tà cách (ách).

CỬA THÀNH PHÍA NAM: GIÀ

Tuổi nhỏ ưa lựa hoa
 Ngày sau đến Tây thiên
 Ngọc hạp phương ủy khái
 Đài vàng không kéo dài
 Nương không lự khó tĩnh
 Tập đường lành cũng vậy
 Bỏ thân không nương gá
 Một chén đâu đợi lường.

THƠ NHIÊN ĐĂNG NGÀY MÔNG TÁM THÁNG GIÊNG

Ta thọ giao vô cực
 Hoa vân y số trọng
 Chúc trúc năng vi tượng
 Phục địch khéo thành long
 Rơi như tro nhị tạnh

*Rải dầu ướt vẽ núi
Thiên cung bỗng nhiên thấy
Đấng vương nguyện sẽ gặp.*

GIẢN VĂN DU QUANG TRẠCH

*Bách tía rữ liễu xanh
Hòe nhẹ phát gió tuê
Tám suối sáng nương cây
Bốn quế noãn lâm không
Thúy võng tùy yên bích
Chu hoa cộng ngày hồng
Phương vui bữa mây rộng
Sáng từ lưu tịnh cung.*

ĐỜI LƯƠNG, GIẢN VĂN Ở Ụ TRẬP, CẨM BÚT SOẠN TỰA RẰNG:

*Chánh sĩ đời Lương
Giản lãng tiêu cương
Lập thân hạnh rồi
Trước sau như một
Gió mưa đêm tối
Chim kêu không thôi
Chẳng khinh nhà tối
Huống lại ba sáng
Nhiều đến như thế
Mạng cũng ra sao*

LẠI LÀM LIÊN CHÂU (BA BÀI)

Bài một:

Tôi nghe có người xưa giàu mà nay nghèo. Có thể gọi nhiều mà giúp cho thì ít. Đây là do độ tố dưới lầu, có riêng suy thần. Thông bách kiêu nam không dư bạch xã.

Bài hai:

Tôi nghe nói có thể che lấp. Lòng nhân có thể nuôi chúng sinh. Đây là vì muốn coi thường sự chết kia. Có đức thì sẽ sáng. Bình giảm nơi nghĩa, không nghĩ chẳng phục.

Bài ba:

Nghe có đạo hạnh thì năm phước đều tốt. Vận hạ thì sáu cực vang

xa, đây là do: Lân xuất mà thương, đâu chỉ Khổng Tử, đường cùng thì thương. Đâu chỉ nổi tồng.

LẠI LÀM THƠ RẰNG:

*Hốt hoảng sương mù tan
Vi vu thông bách rợp
Núi sâu bạch dương xưa
Đường vắng trần vàng sâu
Không hề ngàn mặt trăng
Đâu có chín vàng đỏ
Trong cửa thường chìm mất
Trời xanh soi chiếu tâm.*

Tháng 10 bị giết ở tỉnh Vĩnh Phúc, băng hà vào năm bốn mươi chín tuổi. Khi băng hà nhằm niên hiệu Thái Thanh thứ năm.

THƠ LÂM CHUNG CỦA TẠ LINH VẬN ĐỜI TỔNG

*Cung Thắng có để lại
Nghệp quý không cùng tận
Khê Sư lý đã vội
Hoắc Tử mạng cũng mất
Thê thê hậu sương bách
Nạp nạp xung gió khuẩn
Gặp gỡ cũng có lúc
Tu ngắn chẳng chỗ thương
Hận ta chí quân tử
Không được chết trên núi
Tống tâm trước chánh giác
Bệnh này chịu đã lâu
Chỉ mong muốn đời sau
Oán thân đồng tâm trẫm.*

LỜI BIỂU, LÚC LÂM CHUNG CỦA THẨM AN HẦU

*Thần Ước nói:
Thần bị bệnh đã lâu
Đến nay thì hóa
Hình thần sắp lìa
Đã được mười tháng
Thân rất đau đớn*

Không gì dụ được
 Bình thường lúc khỏe
 Không nói lời này
 Dơ tay ngồi kiểm
 So đây là nhẹ
 Kính mong thâm nhập pháp môn
 Bệnh này đau đớn
 Trong thương ngoài thứ
 Thật vốn nhân tình
 Cúi xin Thánh tâm
 Trọng gia suy rộng
 Thân lúc qua đời
 Không còn ân hận
 Tuy dần đã tốt
 Cũng vẫn kêu buồn

Kính khải

**THƠ LÂM CHUNG CỦA THÍCH TRÍ KHẢI,
SA-MÔN ĐỜI TRẦN**

Ngàn thánng vốn khó đủ
 Ba thời lý dễ khuynh
 Đá lửa không thường cháy
 Sấm sét đâu sáng lâu
 Di văn không đầy ống
 Như vậy đời sau mê
 Suối vàng mới u nghẹn
 Thung lũng vừa se lạnh
 Một sáng sương lộ hết
 Đêm chỉ có tiếng thông.

**ĐỜI TRẦN, GIANG TỔNG VÀO CHÙA THÊ HÀ Ở NHIẾP SƠN
VÀ BÀI TỰA (1 bài)**

Ngày mười tám tháng mười năm Nhâm dần, vào chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn. Lên đỉnh núi cao, trong lòng rất vui.

Ngày 26 tháng 10 năm Quý mao, năm đầu niên hiệu Chí Đức, lại đến chùa này. Pháp sư Bồ truyền giới Bồ-tát. Ngày 25 tháng 10 năm Giáp Thìn, kính dâng tượng vàng. Trở về núi, thời gian công việc có giới hạn, không được ở lâu.

Ngày 16 tháng 11 năm Ất ty, lại được lễ bái, bèn ngủ lại trong núi. Hằng đêm quyển luyện thể thần theo nghe. Nhưng luôn tay không ngừng, củi trên tay buông, vội tiếp bài này ghi làm mục lục, người đời sau biết chí của tôi.

*Tâm tĩnh chứa băng tuyết
Mộ xỉ bách dâu du
Thái tức ba xuyên tấn
Buồn thay câu nhân thế
Tế duật giai thái hoạch
Cuối cùng cụ nghiêm khô
Trạc lưu rót tám nước
Khai khâm nhập bốn câu
Núi này linh diệu hợp
Nên cùng với trời đất
Thạch lại vừa sâu cạn
Khởi núi lẫn hữu vô
Khuyết bi ngang xưa trực
Bàn mộc nằm giữa đường
Hành hành đã trải qua
Từng bước nghe khập khễnh
Cao tăng dấu càng xa
Thắng địa tâm hợp nhau
Tiêu ẩn các hữu đắc
Chu thanh riêng chẳng vượt
Di phong chứa quế thơm
Sánh đức dụ sinh con
Ký ngôn khách đi xa
Thê nhiên thương kẻ hèn.*

Ngày 12 tháng 11 niên hiệu Chí Đức, thăng đức thí sơn trai.

TAM TỨC QUYẾT ĐỊNH TỘI PHƯỚC SÁM HỐI

*Bốn trí không cao tâm
Ba trí khởi u tâm
Phân biệt tránh nhân vật
Dừng nghỉ ở núi rừng
Khúc nhàn đình xu hưởng
Giao chi rơi mạn âm
Đài ao chứa tuyết đông*

*Cửa chuông để sức về
Đá màu chẳng mới cũ
Ngọn núi đâu xưa nay
Xe lớn sao thăm thăm
Ngựa bèn chạy xa xăm
Vì sao tu sáu niệm
Chí thành ở một tiếng
Chùa phiếm thuyền từ xa
Luống khiến nguyện biển sâu.*

Chùa Thê Hà, Nhiếp Sơn. Sơn phòng dạ tọa giản từ tế tửu chu
thượng thư tinh đồng du quần nhan giang linh công.

*Thân sạch thờ châu giới
Chẳng phải học thuyền vàng
Thềm trắng thời gối ngang
Vân nhai tức giải yên
Mái phạm điều tâm dễ
Thiền đình dứt thì khó
Thạch gian dòng nước sạch
Song núi lá hết lạnh
Ông nghĩ xe Bắc Khuyết
Tôi tiếc mũ Đông Đô
Phiên sáu đêm chung tận
Đồng chí không bàng hoàng.*

**TỪ HIẾU KHẮC NGƯỠNG ĐỒNG LINH QUÂN NHIẾP SƠN
CHÙA THÊ HÀ, SƠN PHÒNG DẠ TỌA SÁU VẬN**

*Giới đàn thanh thạch lộ
Linh tướng tử núi vàng
Ảnh tiến cấp quy y
Xan nghênh rông che chở
Sáng sớm nói kệ thật
Đêm lạnh liễm sơ chung
Khê lan tịnh chứa ác
Nhân trí riêng theo khách
Năm thiền thanh tịnh lự
Bảy giác sạch trong tâm
Xin đối với nơi này
Thường nắm tay gặp nhau*

**TRẦN CHỦ ĐỒNG GIANG BỘC TẠ DU NHIẾP SƠN
CHÙA THÊ HÀ**

*Khi tâm tẻ Bàn Khê Chẳng
liên quan Trúc Lâm
Thức Nhạc thông xanh sáng
Núi Kê mặt trời lặn
Trời sáng mây nổi ít
Núi trống trăng sáng sâu
Tàn phá bóng cây khô Úa
héo cây mây mưa Thôn
đêm sương chim bay
Đường gió lạnh vượn hú
Tự tìm đường xuất tục
Há đây muốn rút tâm.*

ĐẾN CHÙA THÊ HÀ Ở NHIẾP SƠN VÀ LỜI TỰA

Niên hiệu Trinh Minh năm đầu thái tuế, ngày 19 tháng 4 năm Đinh mùi, ngày Quý Hợi, vào Nhiếp Sơn, Pháp sư Bố mở tuệ. Nhớ Tạ Linh Vận nhóm họp. Về núi cũ vào vách đá suy nghĩ.

Đạo nhân Đàm Long có một bài thơ, mười một vận nay soạn ra, để học chương lạc lẽ

*Khi mưa phùn đã tạnh
Đầu tháng tư mát mẻ
Ngủ đêm trong đồng trống
Vội lên tận đơn hà
Kính ngưỡng bậc cao đức
Kháng chí trần vật biểu
Ba thông suốt đã ngộ
Muôn điều có sao ít?
Trước sau tình đã gửi
Minh kỳ lượng không ít
Nương áo vào suối rừng
Mạch khí tối sáng mát
Gió thổi mặt lành lạnh
Đợi trăng lên sáng tỏ
Khói núi dứt đã xưa
Vân lộ bài chinh đảo
Đường tắt lân sâm trầm*

*Phan điều tích yếu đảo
 Bình thường quên thị phi
 Suy yếu đâu xót thương
 Năm tịnh từ đây có
 Bấy trần không ưu phiền.*

NĂM TỊNH DƯỠNG Ở CHÙA THÊ HÀ VỌNG VỀ TỪ SÁT TỬU

(Giang Linh Công)

*Dứt tục tục không bận
 Tu tâm, tâm tự sạch
 Liền nhai chiều khí hợp
 Hư vũ tối mây mù
 Nằm sẵn bìm tiếp hộ
 Đá xanh lâu thành thêm
 Cây khen không có ý
 Thú giỡn tự quên tâm
 Người xưa bày sáng hẹp
 Tâm hẹn trái hang núi
 Chỉ thương cây đổ thơm
 Có thể làm ta sạch.*

TỪ TẾ TỬU HIẾU KHẮC NGƯỠNG HÒA LINH QUÂN

*Thượng tế nói bốn không
 Huýnh xe trong tám đạo
 Đồng lương chứa mạch khí
 Nghiêm trang đối nguyệt cung
 Hương thơm đâu cần lửa
 Hoa rụng không theo gió
 Khe thông không dị quát
 Thiên quế lưỡng phân từng
 Hư bạt thật là lụy
 Do đâu bỗng đều đồng
 Tạm thời trái sơn bắc
 Có thể hướng đông tường.*

Tháng giữa xuân niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai. Pháp sư Bồ ở chùa Thê Hà, Nhiếp Sơn. Mỗi nhĩ thời chung. Tôi vào ngày 17 tháng này, kính vì sư, dân lập sám Niết-bàn, lại làm bài thơ này:

Không thể đồng một quán

*Sinh tử cũng một điều
 Hướng đây trừ diệt hết
 Đâu thiết yếu ở đời
 Nhân đạo là chúng sinh
 Minh kỳ xuất thế xa
 Quyển luyến vào gian khúc
 Khi xưa đến đỉnh núi
 Thạch lưu thù liền dứt
 Sương thông cũng tự tiêu
 Trên núi mây đen nghịt
 Ngoài hang sương pháp phối
 Chớ nói không đại ẩn
 Trở về tức sáng nay*

**NGÀY 13 THÁNG 2 NĂM CANGH DẦN ĐẾN TINH XÁ
 NÚI HỔ KHƯU**

*Buông chèo thương hồi khúc
 Tìm núi tịnh thấy nghe
 Thường theo tánh cỏ thơm
 Phải phân với người tục
 Tháp miếu đều lưu động
 Đài hoa bên núi thơm
 Lòng kín xuất đăm quế
 Tản mạn nhiều mây trôi
 Tình u khởi tuần vật
 Chí xa dễ kinh người
 Do đâu quen cá chim
 Không mong khuất huyền huân*

Giang Linh Công ghi rằng:

Ngài Tuệ Viễn ở núi Lô Sơn khi chưa xuất gia, bắn cung rất giỏi, bắn được một con Hạc trong hang Hạc, sau đó rình xem Hạc mẹ, thấy không động tịnh gì. Xem kỹ thì thấy nó đã chết trong hang, nghĩ rằng: Hạc mẹ kia vì thương con nên đã chết, mổ bụng ra thì thấy ruột đứt từng khúc. Pháp sư từ đó bỏ cung nỏ, phát tâm Bồ-đề.

Đời Tống, có ni sư Pháp Huỳnh, người phương Nam, không rõ nhân duyên xuất xứ. Thường hay ăn ngũ cốc. Không mặc tơ lụa, giới đức rất tôn nghiêm, thiên định được nhiều sự thông suốt, có đánh lễ Tử Trương Sử Quân ở Quảng Châu, liền được cung kính. Theo Sử Quân trở về nước

Ngô. Lại theo xuất Tây, tự biết ngày mất. Sau khi chết chớ hiện trong quan tài, chỉ để cho chim quạ ăn, như vậy cho đến hết. Khiến cho vua y theo lời dặn đem vào rừng vắng, để bảy ngày bảy đêm, chim thú không dám xâm phạm đến thi hài, bèn đem về tẩm liệm. Con gái thứ tư của vong tổ Thân Sử Quân đến Huỳnh Ni thọ giới, sắc chỉ tôi ghi lại đó.

THƠ ĐẾN CHÙA HANG HỔ TRÊN NÚI CỦA TRẦN GIANG LINH

*Trong trần chứa huyền lự
Ngoài vật bỏ các tình
Đất đây tin cao ráo
Gò cao in bờ ruộng
Xe đông đúc đi xa
Cờ pháp phối lơ lửng
Tế từng xiên nhiều kinh
Nếu cao nữa tạc trời
Cây xưa không cành lá
Vùng vắng nhiều khói mù
Phân hoa xuất chim vàng
Treo đá dưới suối mới
Um tùm như song thọ
Thanh hư giống tám thiên
Gá thần trên đài tím
Buông ý bên mây trắng
Mất công than thuốc ít
Do đâu bằng năm lớn.*

TRỊ TRUNG VƯƠNG HUÝNH PHỤNG HÒA

*Cảnh đẹp nhiều thắng tích
Đạo tràng thật đất này
Tạo hóa vốn linh kỳ
Nhân công đều tạo tác
Hiên phòng bóng rợp nhau
Thềm cửa đều khác nhau
Cao sáng lưu duệ thưởng
Thanh tịnh thiên định sâu
Vui đạo cùng khắp núi
Nhờ xuân đến cỏ thơm*

*Hoa đẹp chiếm mắt người
 Sơn thu chia đáng vui
 Phong cảnh cùng hoa tươi
 Nước, đá chiếu nhau đẹp
 Tượng pháp không nhiễm trần
 Chân Tăng dứt danh lợi
 Cùng nhau đã phục tâm
 Nghe đạo cùng khắc ý.*

KÝ THẤT THAM QUÂN LĂNG TRÁC PHỤNG HÒA

*Gà gáy động túy gia
 Nại uyển quyện thân du
 Tiêu đỏ vượt chín đạt
 Dù xanh quá tầng lầu
 Tuế hoa mãn áo thơm
 Hồng thái bị xuân châu
 Bảo xuy đến gió xa
 Cờ bày ánh sáng nổi
 Nhánh cao ẩn đường tắt
 Suối quanh dòng nước nhẹ
 Quanh co hoa cỏ hợp
 Tiếng chim hót trong veo
 Tiếng kim bàn thanh phạm
 Tháp vọt ứng tiếng dùi
 Mây tuệ mới bênh bông
 Nước pháp đang lững lờ
 Thật quy luống nhờ giáo
 Tin hiểu thẹn khó dạy.*

TIỀN THÂN HÌNH NGỤC THAM QUÂN KHỔNG ĐẢO

*Thánh tình tưởng ngoài cõi
 Chỉ giá ra Tây nam
 Ngựa trước nghe phụng, quản
 Xe sau động Rồng, tham
 Đạo chơi chẳng nhàn hạ
 Hang kín có khám linh
 Gồm thấy người dứt tâm
 Ngồi yên đầm trong sạch*

Thiên thực đâu cần lúa
 Áo mây không đợi tầm
 Tần, Hạnh nhờ hang cốc
 La, cát, leo, thông, nam
 Tiếng chim từng êm đêm
 Xuân huê thúy đục hàm
 Hoặc tâm tùy giáo sai
 Pháp vị cùng ban ơn
 Nương nhờ tám giải thoát
 Dứt hẳn tham sáu trần

**CHÂU DÂN TIÊN SỬ HÌNH NGỤC
THAM QUÂN VƯƠNG ĐÀI KHANH**

Vua ta kính thẳng đạo
 Lời vua xin nghe theo
 Xe lớn chuyển trục đỡ
 Ngựa ô đạp tơ xanh
 Kêng trong soi dù cao
 Cây lớn cờ phát phối
 Tân đồ phân tạp đập
 Cảnh vật đều nương tựa
 Rừng bay thông khe đạo
 Hiên nhà tiếp nền núi
 Rừng hoa đến thêm hương
 Chia chảy quanh ao cong
 Ai nói không thẳng cảnh
 Mây núi riêng ở đây
 Trần tình bởi dễ đắm
 Nền đạo tánh khó tu
 Nương ân phụng giáo nghĩa
 Mới đáng mở thọ trì.

TÂY TÀO THƯ TÁ BÀO CHÍ TÙNG GIÁ CHÙA NÚI HỔ QUẬT

Thần tâm quyện vật tự
 Phỏng đạo bật trần hiêu
 Rừng mới che bóng ra
 Phong khứ quản thình xa
 Tức đồ nương cảnh đẹp

*Thuế giá chỉ tiêu núi
 Năm lại tiết là trọng
 Khí đồng xanh mới thoảng
 Lá ngấn sinh cây cao
 Sơ hoa mọc cành sớm
 Gió xa đối mây chìm
 Khói bay lẫn mưa gió
 Lại ở đây thiếu thốn
 Ban tên cuối nhà Liêu
 Nguyễn nương khe liền sông
 Kế ảnh đèn tuệ chiếu
 Biết được báu trong áo
 Đất từ bi mới nhiều.*

**TRẦN TÙNG SỰ HÀ XỨ SĨ NGÀY XUÂN THEO
 TƯỚNG QUÂN ĐẾN CHÙA NÚI**

*Lan đình chán tục thường
 Nại Uyển ngắm hoa năm
 Mới vào đường núi thơm
 Liền gặp nhà, xe lửa.
 Cửa từ vài chiếc lá
 Cây đạo một rừng hoa
 Tuy ngộ chuộc ách đăng
 Trọn thương ở rương rắn*

PHÁP SƯ BIỆT TÀI Ở TƯỚNG VỀ DĨNH BẮC (3 bài)

*Nương các việc sắp xa
 Cầm áo bỗng buồn bã
 Nam Sở trường sa hẹp
 Tây Phù đường sá xa
 Lìa đình hoa đã rơi
 Thú riêng mã tân kiêu
 Mặt trời chia ngàn dặm
 Tương tư không một điều*

PHÁP SƯ KÍNH HUẤN GIẢI TẶNG

*Tiêu biểu Đạo lâm tục
 Tặng Tuệ Viễn núi Lô*

Mãi sơn tức cao thế
 Ngồi trên chén qua sông
 Mưa pháp thường thường rơi
 Mây thơm thật nhiều đám
 Giống như sắp vũ hóa
 Đến giúp ở trần la.

THIÊN “THÔNG SĨ NHÂN”

Cung rồng đã nhập đạo
 Cửa phụng bỏ vinh hoa
 Khám thiền tám tưởng tịnh
 Hang nghã bốn trần nhẹ
 Lọng thơm, mây pháp khởi
 Đèn hoa lửa tuệ sáng
 Tự nhiên quên chấp trước
 Chẳng chỉ ngộ vô sinh.

**TRẦN THẨM HUÝNH TÙNG ĐẾN
 CHÙA THIÊN TRUNG THIÊN, ỨNG LINH**

Đất phước cỏ mới mọc
 Danh tăng cùng đến đây
 Dương chi sinh cây chung
 Tích trượng chú dòng thác
 Tòà đá giảng buổi sáng
 Khám núi đêm ngồi thiền
 Chẳng phải nước Xá-vệ
 Bán đất lấy vàng bạc

**ĐỒNG SƯU TRUNG THỨ KIÊN NGÔ CHU XỬ SĨ
 HOẰNG NHƯỢNG ĐẾN CHÙA MINH KHÁNH**

Linh Thứu ba tầng tháp
 Yên Viên một giảng đường
 Chim thuần theo tiếng khánh
 Thú quen nhiều giởng thiền
 Đỉnh cúc núi không rượ
 Thông ban đêm có hương
 May mắn đồng cao thẳng
 Nơi đây sáng tâm vương.

TỰ THƠ THEO VUA ĐẾN CHÙA ĐẠI TỪ CHIẾU, BẮC TÊ, LƯU TỬ ĐẠO

Hoàng đế như trên duệ thống thiên đại minh ngự cực. Đàn áp chín đời, khu giá trăm vua. Chí đức thượng thông, nhân sâu hạ lậu. Oai lẫm, Tây được thính giáo, Đông tiêm. Bối chánh hợp cung, hiếu nghi đại thất. Trương lạc đồng dã, có tính núi miêu. Trời không ưa thật, thần chẳng ban cho. Lòng lân hiệu lực khác, núi đằm ban phước. Hoa Duệ cùng theo, u hiển đều giúp. Tám chánh chỉ tựa, sáu phù bình an. Lại, nường chí sâu xa ngưng thần thanh tịnh. Phủ lậu khu vực, có di hình hữu. Cứu tinh dân nơi khổ khí, giúp cõi Dục nơi ách thành. Thân tâm lên được cảnh tịnh lạc, sinh linh nhờ đó được thần lực của bậc Điều Ngự. Trong cung thì đức dày giúp vật, chánh vị lệ thiên. Đạo quan thiệu lẫm, nghiệp du sân tợ. Mây tuệ buổi sáng khởi, bốn loài dừng lâu ở thốn hợp kia. Đèn từ bi ban đêm đốt. Chín phục chiếu ánh sáng kia, bèn quỳn tham hư. Thật duy Đường cựa sơn xuyên Châu Vệ khâm mang nghiêm huýnh, đông giao thắng địa bèn xây bảo phường. Nghiêm như hóa thành, nhanh như vọt lên. Cảnh giẫm Tây Lãng, khí hợp Nam Cung. Gió thu chấn dã, sương trắng lạnh lẽo. Thánh chủ ngự biện tuần du thuận theo thời nuôi dưỡng chúng sinh. Sáu rồng lên xe bảy Thánh đều đông. Cờ đẹp phát phối, ngọc chạm bánh xe. Hối trăm năm mà trụ liễn, triều vạn linh để xét lúc. Hùng cừ những loài thích bay, nhập tham trung lũy. Bạ hổ điện cửa vàng, hướng về xe riêng. Sắp khuất hạ bộ, gặp cõi tịnh này. Điều ưa nhìn Linh Thứu, dùng thích dạo cung rồng. Thân tâm kính lễ rất thành kính. Khóa hư dẫn tịch bèn phát ca vịnh. Tuy sự hơn đánh xe mà nghĩa đồng gỗ sừng. Cũng do: Ung dung mạnh mẽ, thuật tán tốt đẹp. Đâu như: Cao sóc văn từ, phủ trần nam chúc. Vương cốc trùng kiện, tài thí nữ công.

Tác giả hai mươi sáu người, lời ấy như vậy.

*Gió huyền quan đông hộ
Nội phạm trật tây lẫm
Sông lớn mở hộp báu
Đất phước hạ dây vàng
Tú nhi cao đáng soi
Họa cũng điệp tương thừa
Ngày ngự không khó giả
Vạn sự vốn dễ nương
Dương thất nghi Đình Toại
Hiện âm giống đục băng*

Huýnh đề bay tinh một
 Trường mi đường tâm ngưng
 Tinh môn ánh sáng chuyển
 Lối cung tối mây bay
 Thần núi hiệu linh vật
 Nước như dâng điềm tốt
 Hư bạt thao ân ghi
 Vi khuu nguy tự lãng
 Ưu đồ luống mong đợi
 Châu lã mãi khó hơn

THƠ NĂM ĐIỀU KHỔ

Sinh khổ

Đáng lo thân là họa
 Sinh thì lo cùng sinh
 Tâm thần thường khổ riêng
 Vinh nhục kinh sợ nhau
 Ánh mai không chiếu lâu
 Đền tối tơ bao lâu
 Trọn thành một nhóm khổ
 Gượng tìm danh ngàn năm.

Lão khổ

Lúc trẻ thích ngày thêm
 Già đến năm khổ lẩn
 Hồng nhan đã hết đẹp
 Tóc bạc nào ngâm lâu
 Sân thêm chỉ nhờ gậy
 Phủ sáng không hơn trâm
 Cam phì và yêu lệ
 Luống có tâm lúc mạnh.

Bệnh khổ

Rút gươm bình bốn biển
 Giơ mác khiếp muôn người
 Một mai trên giường gối
 Xoay chuyển nhờ người đỡ
 Sắc trẻ theo da bớt
 Rên rỉ và đau đớn
 Lựa là tuy đầy đủ
 Mắt riêng buồn thất vọng.

Tử chết

Đáng tiếc khí lãng vân
 Bồng theo sương mai tan
 Từ biệt bao ngày tươi
 Riêng xuống chốn suối vàng
 Ao đài đã không có
 Gò mã hướng ứng không
 Chỉ ở nơi thông bách
 Ngàn năm thường gió mạnh
 Thương yêu mà xa lìa khổ
 Ai chịu trong tâm thương
 Biệt ly sau mới nghĩ
 Khi nào dặt tay nhau
 Huyền thuyên không xa được
 Tuy nói vạn dặm cách
 Còn hy vọng trở lại
 Xuống dưới chốn cửu tuyền
 Chẳng có lúc gặp nhau.
 Năm ấm lũng lấy khổ
 Trước đi không từ biệt
 Sau đến chẳng thân lâu
 Mã mới thành nhà cũ
 Kế nhau như vây cá
 Mậu lãng ai biện được
 Là núi cách thức Tần
 Ngàn năm và hôm qua
 Mỗi món đều thành trần
 Định biết đất ngày nay
 Lại là người khi xưa
 Đâu thể lấy xương người
 Lại đem chôn thân ta.

THƠ ĐẾN CHÙA MINH KHÁNH

Địa linh cư năm tịnh
 Sơn u vắng bốn thiên
 Cung trắng soi gương đá
 Hoa tán nhiều sen núi
 Giữa ráng sáng cờ hiện

Hơi mảy hợp lò khói
Thông cao lớn dù xếp
Nước mạnh, suối phân nhỏ
Gió thổi muôn âm thanh
Đường đi trăm hoa tươi
Ngày xưa tìm chân thật
Kết bạn thường quyến luyến
Sơn đình bộ hoặc mị
Cỏ giữa sông nước trôi
Do đây sự huân tập
Liền dứt được phan duyên
Sao nói theo mây mưa
Nghĩ đây thật buồn bã
Luống có hướng phía Nam
Hội toại đông lưu toàn
Thơ vịnh hoài Trương Quân Tổ, đời Trần
Vận hình không nêu khác
Tâm lặng không ham muốn
Ngồi nghỉ ngơi vương hầu
Cửa xoay về trục vàng
Gió đến vịnh du thanh
Lân tụy nguồn không nhớ
Đây là thuyền trung tử
Do đó kiêu dật tức
Cần gì vui u nhàn
Áo xanh nêu lia tục
Trăm năm nếu không xa
Hôm qua cũng chẳng giận
Hy đàng nhìn duỗi chiếu
Nắng nay thay nhau soi
Một đi đều nghịch lý
Đâu tiếc chớp qua mau
Khư khư không bè đảng
Và ngọc đá lẫn lộn
Quái thân công nghiệp ướ
Vốn là do tâm khúc
Gió linh khởi sóng về
Mây bay vọt nghịch lân

Cầu trạc nam dương tú
 Cố nhóm ba tạo tân
 Miến hoài kết đêm vắng
 Vị tháo vịnh chung thân
 Gần chứa thời vô cấu
 Ai cũng phủi bụi trần
 Tình xa gửi cực tắc
 Túc điều độc ngao thân
 Tương vọng đông minh lý
 Đâu mong tây triều bến
 Ngã sùng đạo vô phế
 Trường diêu nhớ người nghĩa
 Diêu độn rải hình hành
 Trượng sách nghĩ Nam Dĩnh
 Tao động ủy lãng tích
 Ngô tĩnh đạm di tánh
 Phủ quyển theo lão thoại
 Huy luân và tráng vịnh
 Nhìn xa riêng nhớ tưởng
 Tiêu thân thổi trần chánh
 Thời vô hỷ tuệ ngẫu
 Dứt vận ai sẽ nghe
 Tập tử tốt phượng nêu
 Có vui là âm lệnh
 Dĩnh bày lãng sương thanh
 Ba hi ba xuân thanh
 Phát cách kỳ tiêu tường
 Há tranh với dâu, du.
 Tôi vốn bất tài giáp
 Dị tình quên diêu ánh
 Tuy chẳng ánh dương dựa
 Khanh gõ khánh làm gì.

TẶNG SA-MÔN TRÚC PHÁP QUẬN (ba bài)

Sa-môn Trúc Pháp Quận đi xa trở về Tây Sơn. Làm bài thơ đề tặng Ngài. Nhân cũng giỡn cợt. Lược bớt hai kinh cùng làm để khen ngợi.

Hoa Dương Nhạc tươi đẹp

Không mây gối núi bay
Chót vót, suối lưu linh
Núi đẹp thông xanh tốt
Núi treo cao chót vót
Hang kín chánh ẩn kín
Núi đổ dựa lạ kỳ
Thất xanh thiên sáu thông
Thần khí thật vắng lặng
Xa xôi bật dấu vết
Chỉ quán chấp vô vô
Hoàn dính mắc không không
Vật ngoài đâu đại bi
Riêng đến đồng chẳng huyền
Không thấy Xá-lợi-phất
Chịu khuất Duy-ma-cật
Chí nhân như ảnh hưởng
Linh tuệ đào ức cõi
Ứng phương tro quyền hóa
Triệu loại nhờ từ vui
Mờ mờ chứa trần mê
Hằng ở cửa núi đóng
Bỏ thông, chẳng chiếu suốt
Đổi hình không diệt hết
Rõ thay, Như Lai giáng
Khoát hỷ khả tán huyết
U tình bị hư hoại
Ai như A-duy sát
Xa tạ mong huyền trù
Cần gì tự thanh khiết.
Xa xa thành vui nêu
Cao ngất núi nổi mây
Vượt cao mười hai núi
Riêng cảnh đẹp Diêm-phù
Đan lưu hoàn nền vuông
Dao đường lâm tiểu cảnh
Khe thấm nước cam tuyền
Núi mọc đầy phương chi
Rõ rõ đẹp hóa luân

*Miếu miếu lãng nham chánh
 Cung kính nhìn diệu giác
 Hơi thở hy linh vĩnh
 Nếu như được trúng tâm
 Chỗ dứt đều yên tĩnh
 Luyện thần siêu đồng mãnh
 Vạn vật được tiêu diêu
 Đâu cần nương hình ảnh
 Gắng tìm pháp Đại thừa*

KHEN NGỢI KINH ĐẠO THỌ

*Nguy nga nước Vương-xá
 Sum sê vườn Linh trúc
 Trong có thần hóa trưởng
 Quán thể không thiện quyền
 Quả trách cảnh mờ sáng
 Đâu biết vết chân thật Rộng
 lớn đạo nhiệm mầu Giải
 phát chí thần vui Phiêu hốt
 lãng hư khởi Không nói thọ
 tuệ khó.*

KHEN NGỢI KINH TAM-MUỘI

*Vết vượt mười hai thiền
 Giới nhờ Tam-muội thành
 Hiền hạnh rất vi diệu
 Chí đạo tuệ để sáng
 Chín bốn đã không động
 Tứ thiền không đồng tối
 Sâu xa không khởi diệt
 Mới tự không từng sinh
 Xưa hỏi đạo khí luân
 Đâu lường Niết-bàn linh.*

TỰA THƠ

Thơ tĩnh lặng pháp quận, kinh thông diệu viễn, gắng gỏi thanh tịnh. Tuy nói mà không hết ý, gần gũi có bao nhiêu? Chí nhiệm mầu, thần không đâu chẳng thông suốt. Phàm chưa thể minh đạt huyền thông, ác được bất hữu ngưỡng tán chi vịnh tai. Tôi tưởng hình dung đức tốt.

Tuy nương giữ đường khác nhưng nêu ký huyền đồng, kính đại trả lời, chưa đủ tốt đẹp mỗi người đều nói chí ấy, lời ấy rằng:

DỮ TẶNG UYÊN ĐÁP

Vận Chân phát đã xếp
 Muôn tượng đã nêu bày
 Tinh linh cảm thâm hội
 Biến hóa đâu không trái
 Sóng gió sinh tử luống
 Càng luân mới không tên
 Bỏ gốc mà theo ngọn
 Hối xan sinh hữu tình
 Luống chẳng dít đáng dục
 Trái tông về vô sinh
 Đạt quán đều có không
 Xác ve thật sáng tỏ
 Tiêu diêu các diệu tân
 Ngưng ngọng ở huyền minh
 Đại từ thuận biến thông
 Hóa dục đâu thường dừng
 U nhàn tự có chỗ
 Đâu chung với Bồ-tát
 Ma-cật phong vi chỉ
 Quyền đạo nhiều chỗ thành
 Mệnh mộng khắp thiên hạ
 Ai biết đường tình sâu.
 Mệnh mộng bản chất thành
 Rộng lớn Tứ thiên sáng
 Ba thần hoàn Tu-di
 Trăm ức đồng một tượng
 Khói linh hòa đào ấm
 Hội chi có diệu trường
 Đại từ giúp chúng sinh
 Thâm cảm như bóng vang
 Chúng Sa-di đông đúc
 Xan xan vạn tâm kính
 Ai không thích Đại thừa
 Triệu định đối huyền nang

Ba pháp tuy thành rừng
 Cư sĩ cũng có nhiều
 Không thấy rồng có sừng
 Sái lân lãng tiêu thượng
 Xúng tâm vượt gửi xa
 Sóng mang xa riêng đi
 Nhiệm mầu thường chiếu sáng
 Duy-ma tôi đã từng
 Nếu chưa lẽ thiện quyền
 Cùng tôi đồng phảng phát
 Mênh mông đầy khắp cõi
 Xả bỏ các phế tướng.

DỮ TẶNG UYÊN ĐÁP

Xa nhìn hoa trên núi
 Trời tím lồng ba ngày
 Quỳnh nham sáng nhà ngọc
 Ngọc rười thắm bến linh
 Đan Cốc đình cây giao
 Lý Dĩnh động củi sáng
 Tiếng ẩn do xen nhau
 Loan phụng bay hồi nghi
 Giao long rười Phi lân
 Trung hữu xúng mặc sĩ
 Vui đạo nghĩ nhiệm mầu
 Cao thượng ngưng huyền tịch
 Muôn vật bổng tự khách
 Một mình đạo phương ngoại
 Vượt thế dứt phong trần
 Kiểu tướng mong dấu vết
 Từng bước tìm được người
 Ngâm vịnh rồi bỏ đi
 Vịnh hoa đâu đáng quý
 Gọi chí tám nguồn giải
 Liêu lãng khoát minh thân
 Nghiêng cơ thông vi diệu
 Giác ngộ bổng quên thân
 Cư sĩ thành có bạn

*Nhìn lại chẳng nghĩ thân
Mượn hỏi giữ thường đồ
Vì sao biết trái chân.*

DƯƠNG ĐẾ RA MẮT CHÙA LINH NHAM, PHƯƠNG SƠN

*Phạm cung đã ẩn kín
Linh tụ cũng trầm trầm
Bình giao đưa qua ngày
Núi cao bóng mát xa
Huỳnh phiên phi thụ lĩnh
Sớ chung hưởng trú lâm
Tiếng ve sâu kêu gần
Suối nhỏ khe đá sâu
Kháng tích thiên chi địa
Phát chí tâm Bồ-đề.*

**PHỤNG HÒA, PHƯƠNG SƠN, CHÙA LINH NHAM,
ỨNG GIÁO, CHƯ CÁT ĐỈNH**

*Danh sơn trấn sông biển
Phạm vụ giá gió khói
Họa cũng lâm thông cái
Tạc dũ đối sen núi
Sấm nổi dưới nền thêm
Mây về trước rường cột
Linh quang nói ngày đêm
Áo nhẹ mấy kiếp năm
Gấp bội hương làm thực
Thường dùng làm phước điền*

**NGÀY RẼM THÁNG GIÊNG Ở THÔNG CÙ KIẾN ĐĂNG,
BAN ĐÊM LÊN LẦU PHÍA NAM. TÙY DƯƠNG ĐẾ**

*Pháp luân chuyển cõi trời
Phạm tinh cõi trời đến
Đặng thọ ngàn tia chiếu
Hoa diễm bảy cái nở
Bóng nguyệt ngưng dòng nước
Gió xuân chứa mai đêm
Cờ động muôn đất vàng*

Chung phát đài lưu ly.

**PHỤNG HÒA THÔNG CÙ KIẾN ĐĂNG ỨNG GIÁO -
CHỦ CÁT DĨNH**

*Đường thơm lặng cảnh khuya
Đuốc pháp sáng khác nhau
Khi chuyển ánh sáng đời
Hoa đào sinh, nhánh rụng
Khói bay quanh định thất
Ánh sáng chiếu ao ngọc
Lầu các đặng lâm bãi
Ca quản thừa không đời.*

**XẢ CHU ĐĂNG LỤC THỊ TUỆ NHẬT ĐẠO TRÀNG NGỌC
THANH HUYỀN ĐÀN ĐỨC CHÚNG. TÙY DƯƠNG ĐỀ**

*Trời tịnh, sao mây quỵện
Ngày nêu sông dài trong
Gió thổi hoa rừng rơi
Thổi quanh gió liễu rụng
Cô hạc thệ khiến bay
Đề Oanh xa kêu nhau
Liên chu chỗ nước hết
Đường họa luân phân nửa
Sông biển đều từ xa
Đông Tây đều khen ngợi
Đã huân sức thiền tuệ
Lại nhờ sức vàng đỏ
Có đến ba sông khác
Không hề xem bốn cửa
Ở đâu được diệu đạo
Siêu vượt lên bờ kia.*

**TÙY TRƯỚC TÁC VƯƠNG TRỤ NGỌA BỆNH MAN VƯỢT
THUẬT TỊNH DANH Ý**

Tôi - Man Hải bị bệnh nằm đã hơn nửa tháng. Thiện hữu là Pháp sư Ngung khuyên tôi dùng kinh Tịnh Danh nhiệm mầu để điều phục thân tâm. Sức bệnh, thô bày ý kia kính Pháp sư Giản:

Khách đi hơn muôn dặm

Mìt mờ trên biển xanh
 Năm núi thường rậm rạp
 Trăm vượt nhiều khí độc
 Đều mệt nhọc thân tâm
 Do đây nên bị bệnh
 Đồng lời đã thật xa
 Bởi Kim đá khó tìm
 Bọt bóng thật đáng thương
 Thấm áo riêng ngao ngán
 Thành Tỳ có Trưởng giả
 Bình thường trước đã có
 Lại mượn nhân duyên lớn
 Gắng dụng tâm hồi hướng
 Đường tâm để điều phục
 Đối đây nghĩ thật tởng
 Nước bọt vốn khó mất
 Thành càn không có tướng
 Sinh đây không chí lý
 Ngã này đều luống dối
 Cầu đó không thể được
 Ai thọ nghiệp chướng kia
 Tin đó - Đại y vương
 Năng lực này vô lượng.

TIẾT ĐẠO HÀNH TRIỂN KÍNH DÂNG CHÙA PHỤNG LÂM

Tịnh độ tiếp hang kín
 Tháp báu đối núi ách
 Rừng Phụng ở hang đở
 Đất Rồng xa cát trắng
 Độc nham lâu hướng xuất
 Phúc đạo gác trùng nhau
 Động mở sáng sương rơi
 Thạch tháp hiểu vân nùng
 Trúc cao, lọng mây thấp
 Gió thổi tiếng hòa chung
 Nhà mát đối liễu nhỏ
 Gian ảnh lạc thông cao
 Châu quế nổi trăng sáng

*Tòa sen nở Phù Dung
 Ẩn mát luống có ý
 Tâm chứa nhóm theo nhau.*

**ĐỜI LƯƠNG, CHÙA KHAI THIỆN,
 PHÁP SƯ TẠNG PHỤNG HÒA
 THƠ TAM GIÁO CỦA VÕ ĐẾ**

*Nguồn tâm vốn chẳng hai
 Học lý cùng về chân
 Bốn chấp mê theo được
 Sáu vị thêm cực khổ
 Giúp duyên bởi tạp phẩm
 Tập tánh không đồng theo
 Chí giác theo vật hóa Một
 đạo mở khác bốn
 Đại sĩ thanh tịnh giúp
 Huấn nghĩa bèn tinh trần
 Chu, Khổng còn trung hiếu
 Lập hạnh triệu quân thân
 Họ Lão quý tải dục
 Tồn sinh do thân ngoài
 Nói lời ngàn lý thiện
 Phân vị cùng thế trần Hễ
 chẳng không thì có Ba
 minh đường chưa đến
 Gần thức khép đường rẽ
 Phân trần nghi khác trần
 Đâu biết ngộ là tiệm
 Cùng tội vốn đồng bậc
 Ngã Hoàng thể hội này
 Gương đẹp xuất cơ thân
 Quyển ngôn đều quy bí
 Hồi chiếu dẫn chúng sinh
 Cố duy tàm tức thực
 Gặp gỡ điều tốt đẹp
 Nguyên cùng nhậm minh giải
 Tuế mộ đều có nhân.*

**THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ RA MẮT TINH CHÂU,
CHÙA HÙNG QUỐC CA**

*Hồi loan đến đất phước
Tận mắt ngắm cỏ thơm
Phạm chung xen hai tiếng
Pháp nhật chuyển hai vòng
Bảo sát xa nương đường
Thiên hoa gần mùa xuân
Chưa đeo, lan còn nhỏ
Không tơ, liễu còn mới
Viên quang thấp nguyệt điện
Ảnh vụn loạn gió tre
Đối đây giữ tưởng khác
Siêu vượt lìa tục trần.*

VĂN ĐẾ VINH PHƯỚC TRƯỚC ĐIỆN PHẬT

*Mờ sáng nghi chuyển điện
Đằng hư dáng cầu vòng
Hang hiện trong sương mờ
Cúi ngược trong mây trắng
Phân phi vừa sương hươg
Kéo lôi hoặc theo gió
Nghĩ đây khinh bạc chất
Không cánh gượng diêu không.*

THƯỜNG CHÂU, CHÙA HOÀNG THIÊN, PHÁP SƯ TUYÊN

Vâng hòa Đâu Sử Quân Pháp sư đồng kính Vĩnh Cao Tăng.

TRÚC PHẬT ĐỒ TRỪNG

*Đại thế thương lâm than
Thừa cơ nhập sinh tử
Trung châu pháp đã mở
Cát pha bạo cũng dừng
Lỗ trống sáng cả nhà
Chỉ tay rõ ngàn dặm
Đạo thanh chú hoa sen
Tai sinh ngâm cúc tử
Mai thạch duyên tuy tạ
Lưu sa hóa mới đầu*

THÍCH TĂNG TRIỆU

*Bát-nhã chỉ bắt vết
 Niết-bàn vốn không tên
 Bạc hiên chưa thả giác
 Chi tử xướng hy thình
 Vua Thái than lý nghệ
 Đồng thọ ấp từ thanh
 Suốt âm nghe trần nhạc
 Tĩnh khó động Trung Nguyên
 Thích Nghiệm trong phương bào
 Kỳ tài rồi lại sinh*

**NGÀY MÙA THU ĐẾN CHÙA ĐÔNG SƠN
 HAI PHÁP SƯ THÙ, ĐÀM**

*Cây đổ thọ tê táo
 Nước trong, dòng lặng lẽ
 Thuộc đây khí buồn thay
 Phục tư la lữ thích
 Đâu dụng tả ưu phiền
 Suối núi kể du lịch
 Vạn trượng khuy thâm gian
 Ngàn tâm ngưỡng tuyết trần
 Bàn lĩnh trúc so le
 Vịn sẵn bìm mà đi
 Hành hành rất sâu kín
 Khứ khứ càng vắng lặng
 Quả gập dứt bận tâm
 Cành cao mới treo cao
 Viên nhiều đều chiêm-đàn
 Đốn lương há cát sỏi
 Diệu pháp không thể lường
 Thân kinh giải oán địch
 Tâm vui liền đánh lễ
 Đạo còn ở tai mắt
 Tuệ lực đã thông suốt
 Lưới nghi cũng xé rách
 Há dứt thẳng phiền não
 Mới mong cứu đắm chìm*

VUA YẾT KIẾN CHÙA ĐẠI TỪ ÂN

Cung nhật khai trãm nhận Điện nguyệt cao
ngàn tâm Dù hoa bay bóng tròn
Cờ hồng kéo bóng mát Ráng nưong dao lung
trướng Tùng châu rừng vông tế Liêu khuếch
biểu khói mây Siêu nhiên vật ngoài tâm

CHÙA ĐẠI TỪ ÂN SA-MÔN HỌA

Hoàng phong thổi cây ấỵ Chí đức tốt rừng
thiền Hoa tiên sáng mặt trời Cờ thần kéo
bóng xa Nưong điện lồng hà ảnh Gác cao
xuất tâm mây Cỏ nhỏ rông nước từ
Ân quang nặng lại sâu.

